

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS-ST
Ngày: 27-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm
- Ông Lương Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B.

Bà Nguyễn Trần Tuyết N, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện D, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Trần Tuyết N có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Do có quan hệ làm ăn quen biết nên bà N và ông C có cho bà Nguyễn Thị K vay 360.000.000 đồng. Vay lần 1 vào ngày 01/8/2022 số tiền 60.000.000 đồng, trong đó bà K nhận tiền mặt của bà N và ông C 2.500.000 đồng và nhận

tiền qua chuyển khoản ngân hàng do bà N và ông C chuyển là 57.500.000 đồng. Lần 2 bà K vay của bà N và ông C vào ngày 04/8/2022 là 250.000.000 đồng. Lần 3 bà K vay của bà N và ông C 50.000.000 đồng vào ngày 20/8/2022. Vay 300.000.000 đồng này có làm Hợp đồng vay tiền do bà N và ông C viết, bà K ký tên và lấn tay vào bên vay. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay thì bà K sẽ trả tiền vay cho bà N và ông C.

Bà K mới chỉ trả được cho bà N và ông C số tiền 220.000.000 đồng, còn 140.000.000 đồng bà K chưa trả cho bà N và ông C.

Do đó bà N yêu cầu bà K phải trả cho bà N và ông C số tiền 140.000.000 đồng, không yêu cầu phải trả tiền lãi.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Do có quan hệ làm ăn quen biết nên ông C và bà N có cho bà Nguyễn Thị K vay 360.000.000 đồng. Vay lần 1 vào ngày 01/8/2022 số tiền 60.000.000 đồng, trong đó bà K nhận tiền mặt của ông C, bà N 2.500.000 đồng và nhận tiền qua chuyển khoản ngân hàng do ông C, bà N chuyển là 57.500.000 đồng. Lần 2 bà K vay của ông C, bà N vào ngày 04/8/2022 là 250.000.000 đồng. Lần 3 bà K vay của ông C, bà N 50.000.000 đồng vào ngày 20/8/2022. Vay 300.000.000 đồng này có làm Hợp đồng vay tiền do ông C và bà N viết, bà K ký tên và lấn tay vào bên vay. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay thì bà K sẽ trả tiền vay cho ông C và bà N.

Bà K mới chỉ trả được cho ông C và bà N số tiền 220.000.000 đồng, còn 140.000.000 đồng bà K chưa trả cho ông C và bà N.

Do đó ông C và bà N yêu cầu bà K phải trả cho ông C và bà N số tiền 140.000.000 đồng, không yêu cầu phải trả tiền lãi.

Ông C yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Do có quan hệ làm ăn quen biết nên bà K có vay của ông C và bà N 360.000.000 đồng. Vay lần 1 vào ngày 01/8/2022 số tiền 60.000.000 đồng, trong đó bà K nhận tiền mặt của ông C, bà N 2.500.000 đồng và nhận tiền qua chuyển khoản ngân hàng do ông C, bà N chuyển là 57.500.000 đồng. Lần 2 bà K vay của ông C, bà N vào ngày 04/8/2022 là 250.000.000 đồng. Lần 3 bà K vay của ông C, bà N 50.000.000 đồng vào ngày 20/8/2022. Vay 300.000.000 đồng này có làm Hợp đồng vay tiền do ông C và bà N viết, bà K ký tên và lấn tay vào bên vay.

Bà K đã trả cho ông C và bà N 320.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 40.000.000 đồng. Tuy Nền khi trả tiền cho ông C và bà N thì bà K không bắt ông C và bà N ký giấy nhận tiền. Nay ông C và bà N kiện bà K như vậy thì bà K đồng ý còn nợ ông C và bà N 140.000.000 đồng. Bà K đồng ý trả cho ông C và bà N 140.000.000 đồng, nhưng do bà K khó khăn kinh tế nên xin trả từ từ cho ông C và bà N.

Bà K có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất bà K có vay của ông C và bà N 360.000.000 đồng. Ngày 01/8/2022 bà K vay của ông C và bà N 60.000.000 đồng, bà K nhận tiền mặt 2.500.000 đồng còn 57.500.000 đồng ông C và bà N chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho bà K. Ngày 04/8/2022 bà K vay của ông C và bà N 250.000.000 đồng thể hiện bằng bằng Hợp đồng vay tiền. Ngày 20/8/2022 bà K vay của ông C và bà N 50.000.000 đồng thể hiện bằng Hợp đồng vay tiền.

Theo ông C và bà N thì bà K đã trả cho ông C và bà N 220.000.000 đồng, còn 140.000.000 đồng bà K chưa trả nên ông C và bà N khởi kiện yêu cầu bà K phải trả số tiền còn nợ này.

Bị đơn bà K thừa nhận còn nợ ông C và bà N 140.000.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông C và bà N có căn cứ và được chấp nhận. Cần buộc bà K phải thanh toán cho ông C và bà N số tiền còn nợ 140.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị K phải chịu theo quy định.

Ông C và bà N không phải chịu và được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát về nội dung là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Trần Tuyết N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K về việc : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị K có trách Nệm thanh toán cho ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Trần Tuyết N số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) nợ vay.

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu tại cơ quan thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị K phải chịu 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Trần Tuyết N không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001879 ngày 13/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Nguyễn Trần Tuyết N được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C và bị đơn bà Nguyễn Thị K được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thế Thị Ngọc Anh